ĐẠI HỌC QUOC GIA HA NỌI
KHOA LUẬT

TẠ THU THUỶ

TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM - MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Chuyên ngành : **Luật Hình sự**
Mã số : **60 38 40**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Hà Nội – 2009

Công trình được hoàn thành tại:

KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS Đỗ Ngọc Quang**

Phản biện 1:.....
.....

Phản biện 2: .....
.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, họp tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: …….. giờ …….. ngày …….. tháng…… năm……..

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

Thư viện Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội

Trung tâm Thông tin Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội

MỤC LỤC

	NỘI DUNG	TRANG
	MỞ ĐẦU	1
	Chương 1. NHẬN THỨC CHUNG VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM	6
1.1	Khái quát sự hình thành và phát triển của Luật hình sự nhà nước Việt Nam quy định về Tội tham ô tài sản giai đoạn 1945 đến 1985	6
1.2	Quy định của Luật Hình sự Việt Nam về tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự 1999	8
1.2.1	Dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản	9
1.2.2	Hậu quả pháp lý của tội tham ô tài sản	10
1.3	Thực tiễn vận dụng pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2002 – 2007	11
	Chương 2. NHỮNG TỒN TẠI TRONG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN	14
2.1	Những tồn tại trong vận dụng quy định của pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2002 – 2007	14
2.1.1	Quy định của pháp luật hình sự	14
2.1.2	Quy định quản lý nhà nước về tài sản	18
2.2	Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy phạm pháp luật về tội tham ô tài sản	19
2.3	Kiến nghị nâng cao hiệu quả quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước	23
	KẾT LUẬN	24

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngay từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã đặt vấn đề xây dựng bộ máy nhà nước của dân, do dân, vì dân thật sự trong sạch, vững mạnh. Hồ Chủ tịch đã có nhiều bài nói, bài viết chỉ rõ bản chất, nguyên nhân, phân tích các tác hại của tham ô, quan liêu, lãng phí. Người đã từng cho rằng tham ô là hành động xấu xa nhất của con người. Nhân dân lao động ta làm lụng đổ mồ hôi, sôi nước mắt để góp phần xây dựng của công - của Nhà nước và của tập thể. Của công ấy là nền tảng vật chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, là nguồn gốc chủ yếu để nâng cao đời sống nhân dân ta. Nó có hại đến sự nghiệp xây dựng nước nhà, có hại đến công việc cải thiện đời sống của nhân dân, có hại đến đạo đức cách mạng.

Và trong cơ chế thị trường hiện nay, kinh tế là lĩnh vực luôn tiềm ẩn khả năng tham ô lớn. Bởi ở đó, lợi ích vật chất được xác định là động lực thúc đẩy mạnh mẽ hành vi tham ô tài sản. Thực tiễn cho thấy, tội phạm tham ô có quy mô ngày càng lớn, với mức độ tinh vi, phức tạp và tổ chức chặt chẽ. Động cơ vụ lợi đã khiến các cán bộ, công chức cố tạo cho mình một đặc quyền nào đó để chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý bằng các thủ đoạn lợi dụng chức vụ, quyền hạn.

Vì vậy, tham ô tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội nên hành vi này luôn bị luật hình sự Việt Nam coi là tội phạm. Trước khi BLHS năm 1999 có hiệu lực, luật hình sự Việt Nam chỉ quy định tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa. Khi xây dựng BLHS năm 1999, cơ cấu của nền kinh tế đã có sự thay đổi. Lúc này, người có chức vụ, quyền hạn không chỉ quản lý tài sản thuộc sở hữu XHCN mà cũng có thể quản lý cả tài sản của công dân khác cũng như tài sản khó xác định thuộc sở hữu nào. Do vậy, hành vi tham ô có thể xảy ra đối với tất cả các loại tài sản. Đó là lý do mà BLHS năm 1999 đã quy định tội tham ô tài sản. Đồng thời BLHS xếp tội này vào Chương "Các tội

phạm chức vụ" (nhóm các tội tham nhũng) mà không xếp vào Chương "Các tội xâm phạm sở hữu". Việc xếp này nhằm nhấn mạnh đặc trưng nguy hiểm cho xã hội của tội này là sự lợi dụng chức vụ quyền hạn, là tính tham nhũng của hành vi.

Tình hình tội phạm tham ô ở nước ta hiện nay đang diễn ra cả ở chiều rộng, lẫn chiều sâu và sức công phá của nó không phải chỉ dừng lại ở lĩnh vực kinh tế mà cả chính trị, xã hội. Trong khi đó, BLHS năm 1999 đã có hiệu lực pháp luật gần 10 năm, nhiều quy định của BLHS không còn phù hợp nhưng chưa được giải thích hướng dẫn cụ thể. Chính vì vậy, việc nghiên cứu đề tài khoa học "***Tội tham ô tài sản trong luật hình sự Việt Nam - một số vấn đề lý luận và thực tiễn"*** là một yêu cầu khách quan và bức thiết nhằm lý giải một cách khoa học những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu

Trong những năm qua, đã có khá nhiều công trình nghiên cứu về tội phạm tham ô tài sản. Loại tội phạm này được đề cập, phân tích trong một số giáo trình và sách tham khảo như: *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (Phần các tội phạm)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2003 của tập thể tác giả do TSKH. Lê Cảm chủ biên; *Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam (tập II)* của tập thể tác giả do PGS.TS Nguyễn Ngọc Hoà chủ biên, Nxb Công an nhân dân, 2006… Hoặc được đề cập trong một số bài viết trên các Tạp chí chuyên ngành như: "*Bàn về chủ thể của tội tham ô tài sản*" của tác giả Trương Thị Hằng đăng trong Tạp chí Kiểm Sát số 6/2006; "*Việc xác định tội tham ô tài sản trong cơ chế thị trường*" của tác giả Đinh Khắc Tiến đăng trong Tạp chí Kiểm sát số 6/2006; "*Những vấn đề lý luận & thực tiễn về tội tham ô tài sản trong cơ chế thị trường*". của tác giả Đinh Văn Quế đăng trong Tạp chí Kiểm sát số 22/2006; Luận văn thạc sĩ "*Tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa và đấu tranh phòng, chống tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa*" của tác giả Nguyễn Văn Tiến và "*Tội tham ô tài sản trong bộ luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*" của tác giả Trần Quang Sơn.

Những nghiên cứu trên đây của các tác giả mới chỉ dừng lại dưới dạng các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành, một phần, mục trong các giáo trình, sách tham khảo và nghiên cứu vấn đề khi BLHS năm 1999 chưa ra đời hoặc nghiên cứu chưa đi sâu phân tích, đánh giá thực tiễn vận dụng pháp luật tội tham ô tài sản trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; cũng như đánh giá những khó khăn, vướng mắc khi áp dụng luật của các cơ quan tiến hành tố tụng. Mặt khác, những năm gần đây xuất hiện ngày càng nhiều những vụ án tham ô tài sản có tính chất nổi cộm, quy mô ngày càng lớn, với mức độ tinh vi, phức tạp và tổ chức chặt chẽ. Do vậy, vấn đề đặt ra với các nhà khoa học là cần phải tiếp tục nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện, sâu sắc hơn đối với loại tội phạm này.

3. Phạm vi nghiên cứu

Mục đích của Luận văn nhằm phân tích, so sánh, nhận xét, đánh giá những bước phát triển của quy định pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản từ năm 1945 đến nay; những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật. Qua đó, đề xuất một số kiến nghị nâng cao hiệu quả pháp luật quy định loại tội phạm này.

Do vậy, phạm vi nghiên cứu của luận văn sẽ xem xét và giải quyết các vấn đề cụ thể sau đây:

1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Luật hình sự Việt Nam quy định về tội tham ô tài sản; trong đó tập trung nghiên cứu, phân tích quy định của Bộ luật hình sự 1999 ở khía cạnh trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý của tội phạm này.

2. Phân tích thực tiễn vận dụng pháp luật trong điều tra, truy tố, xét xử tội tham ô tài sản từ năm 2002 đến 2007.

3. Phân tích những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản và đề cập đến một số tồn tại trong quy định pháp luật về quản lý tài sản nhà nước ở phạm vi cổ phần hoá doanh nghiệp.

4. Trên cơ sở đó, luận văn đưa ra những đề xuất kiến nghị nhằm hoàn thiện quy phạm pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản và quy định quản lý tài sản nhà nước trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Với phạm vi nghiên cứu nêu trên, luận văn tập trung giải quyết những nhiệm vụ chính như sau:

- Phân tích, đánh giá sự hình thành và phát triển của Luật hình sự nhà nước Việt Nam quy định về Tội tham ô tài sản giai đoạn 1945 đến 1985;
- Tập trung phân tích quy định của Luật Hình sự Việt Nam về tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự 1999 ở hai khía cạnh: Trách nhiệm hình sự và hậu quả pháp lý của tội tham ô tài sản;
- Phân tích thực tiễn vận dụng pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2002 – 2007
- Những tồn tại trong vận dụng quy định của pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2002 – 2007
- Đề xuất một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy phạm pháp luật về tội tham ô tài sản như: Kiến nghị sửa đổi cấu trúc của điều luật 278 BLHS; Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 278 Chương XXI Bộ luật hình sự năm 1999; Kiến nghị nâng cao hiệu quả quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước.

5. Phương pháp nghiên cứu

Để đạt được những mục đích đã đặt ra, trên cơ sở phép duy vật biện chứng, duy vật lịch sử, luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như: phương pháp so sánh, phân tích tài liệu, nghiên cứu lịch sử và phương pháp tổng hợp, đánh giá những vấn đề lý luận và thực tiễn về tội tham ô tài sản trong các công trình của một số nhà nghiên cứu khoa học.

Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài còn dựa vào số liệu trong các báo cáo của Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân sân tối cao và Ban Nội

chính trung ương tổng kết công tác ngành trong 5 năm (2002 - 2007), trong thực tiễn xét xử và thông tin trên mạng Internet để phân tích, đánh giá, tổng hợp các vấn đề thực tiễn xung quanh Tội tham ô tài sản.

6. Kết quả của Luận văn

Luận văn sẽ so sánh, đánh giá những bước phát triển nổi bật của pháp luật Việt Nam quy định về tội tham ô tài sản từ năm 1945 cho đến nay; luận giải các dấu hiệu pháp lý về chủ thể, khách thể, mặt khách quan, mặt chủ quan của tội phạm này theo quy định của BLHS năm 1999.

Trên cơ sở phân tích thực tiễn vận dụng quy định pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử giai đoạn 2002 – 2007 và một số tồn tại, vướng mắc khi áp dụng pháp luật, luận văn đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện quy định pháp luật về tội phạm tham ô tài sản. Một vấn đề nổi cộm trong thời gian qua là tham ô trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp cũng được luận văn đề cập khi phân tích những bất cập trong quy định pháp luật về quản lý tài sản nhà nước.

Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể sử dụng để kiến nghị các cơ quan chức năng hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả chính sách hình sự đối với tội phạm tham ô tài sản nói riêng và tội phạm tham nhũng nói chung trong thời gian tới.

7. Bố cục của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, phần kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, Luận văn gồm 2 chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Nhận thức chung về tội tham ô tài sản trong luật hình sự Việt Nam.

Chương 2: Những tồn tại trong quy định của pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản và một số kiến nghị hoàn thiện.

Chương 1
NHẬN THỨC CHUNG VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRONG LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM

1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Luật hình sự nhà nước Việt Nam quy định về Tội tham ô tài sản giai đoạn 1945 đến 1985

Giai đoạn này, các chính sách hình sự của Nhà nước ta đối với tội xâm phạm sở hữu được thể hiện rõ nét. Sắc lệnh số 223 – SL ngày 27 tháng 11 năm 1946 quy định về tội biển thủ công quỹ đã được ban hành, trong đó quy định "Tội công chức biển thủ công quỹ... bị phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm và phạt bạc gấp đôi tang vật... biển thủ. Người phạm tội còn có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là đến ba phần tư gia sản. Các đồng phạm và tòng phạm cũng bị phạt như trên". Với một số tài sản nhà nước có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong lĩnh vực an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế, Nhà nước ta đã ban hành các văn bản để bảo vệ như Sắc lệnh số 12 ngày 12 tháng 3 năm 1949 về việc phạt tội ăn cắp, lấy trộm tài sản của nhà binh.

Trong các văn bản pháp luật, các quy định về các tội phạm được trình bày khá đơn giản, đường lối chính sách xử phạt chưa được rõ ràng nên tác dụng giáo dục bị hạn chế. Do đó, các ngành công an, kiểm sát, toà án gặp nhiều khó khăn khi vận dụng, không thống nhất về đường lối xử lý. Trước tình hình đó, 21 tháng 10 năm 1970, Nhà nước ta đã ban hành Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm xã hội chủ nghĩa nhằm thể hiện thái độ kiên quyết đấu tranh của Nhà nước ta đối với hành vi xâm phạm tài sản của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa nói chung và tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa nói riêng. Theo đó, tội tham ô tài sản chưa quy định tài sản bị chiếm đoạt phải do người có chức vụ, quyền hạn quản lý. Điều luật cũng chưa cụ thể hoá định lượng giá trị tài sản phạm tội, chỉ quy định chung chung tham ô tài sản có *số lượng lớn, rất lớn, giá trị đặc biệt* khiến các cơ quan chức năng áp dụng luật khá khó khăn và không thống nhất.

Ngày 15 tháng 3 năm 1976, Chính phủ cách mạng lâm thời miền Nam ban hành Sắc lệnh 03-SLT ở miền Nam trước ngày chính thức thống nhất tổ quốc, tội tham ô được quy định Điều 4 - Tội xâm phạm tài sản công cộng.

So với Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm xã hội chủ nghĩa năm 1970 thì sắc lệnh 03 – SLT không miêu tả các dấu hiệu tội phạm, đây là nhược điểm của văn bản này nên ngày 8 tháng 3 năm 1978, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ đã ban hành Thông tư liên bộ số 61 hướng dẫn thi hành pháp luật thống nhất, nhằm tiến tới vận dụng thống nhất Pháp lệnh ngày 21/10/1970 trong cả nước.

Với sự phát triển của khoa học pháp lý nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, năm 1985 chúng ta đã ban hành Bộ luật Hình sự đầu tiên với 12 chương, 280 điều. Tại Điều 133, tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa được quy định: *Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa mà mình có trách nhiệm trực tiếp quản lý, thì bị phạt tù từ một năm đến bảy năm. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp say đây thì bị phạt tù từ năm năm đến mười lăm năm: Thông đồng với người khác ở trong hoặc ngoài cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội; Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; Chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn; Tái phạm nguy hiểm. Phạm tội trong các trường hợp đặc biệt nghiêm trọng thì bị phạt tù từ mười hai năm đến hai mươi năm, tù chung thân hoặc tử hình.*

Như vậy, điều luật đã quy định rõ tội tham ô tài sản phải là: thứ nhất, do người *có chức vụ, quyền hạn* là chủ thể; thứ hai, phải *lợi dụng chức vụ, quyền hạn* của mình để chiếm đoạt; thứ ba, đối tượng là *tài sản xã hội chủ nghĩa mình có trách nhiệm trực tiếp quản lý.*

Ngày 10 tháng 5 năm 1997, BLHS được sửa đổi, bổ sung và tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa được sửa đổi như sau: "*Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ năm triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng hoặc dưới năm triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần hoặc bị*

xử lý kỷ luật mà còn vi phạm thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm". So với BLHS 1985, lần sửa đổi, bổ sung này đã có sự mở rộng về phạm vi chủ thể bằng cách lược bỏ cụm từ "*trực tiếp*" trong đoạn *"có trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản*" thành *"người có trách nhiệm quản lý tài sản*"; quy định rõ giá trị định lượng tài sản bị chiếm đoạt và thời hạn hình phạt tù tối thiểu tăng từ một năm lên hai năm.

1.2. Quy định của Luật Hình sự Việt Nam về tội tham ô tài sản trong Bộ luật Hình sự 1999

BLHS 1999 không còn quy định là tội tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa nữa, mà được quy định là tội tham ô tài sản (Điều 278): *"Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới năm trăm nghìn đồng nhưng thuộc một trong những trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:*

a) Gây hậu quả nghiêm trọng;

b) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

c) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm".

Như vậy, so với BLHS 1985 đã có sự thay đổi cơ bản: tính chất của đối tượng tác động là tài sản "xã hội chủ nghĩa" bị chiếm đoạt đã thay đổi, nghĩa là tài sản bị chiếm đoạt không chỉ là tài sản thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa nữa mà là tài sản bị chiếm đoạt thuộc các hình thức sở hữu khác.

Ngoài ra, so với BLHS 1985, BLHS 1999 quy định:

- Mức độ giá trị tài sản bị chiếm đoạt là ranh giới phân biệt tội tham ô tài sản với các hành vi vi phạm pháp luật khác cũng thay đổi từ năm triệu đồng xuống còn năm trăm nghìn đồng;

- Dấu hiệu "vi phạm nhiều lần hoặc bị xử lý kỷ luật mà còn vi phạm" được sửa lại là "Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm";

- Bổ sung thêm dấu hiệu "Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại mục A Chương này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm".

Đây là một bước tiến khoa học vì nó phản ánh được thực trạng nền kinh tế của đất nước, phản ánh được đường lối, quan điểm của Đảng và Hiến pháp ở nước ta giai đoạn này.

1.2.1.Dấu hiệu pháp lý của tội tham ô tài sản

1.2.1.1. Khách thể của tội tham ô tài sản

Khách thể của tội tham ô tài sản không còn là chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa nữa, mà là *quan hệ sở hữu* của các thành phần kinh tế khác; đồng thời, nó còn xâm phạm *hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức* bởi vì người có chức vụ, quyền hạn đã làm không đúng, làm sai chức trách, làm trái các nguyên tắc, chính sách, chế độ quản lý tài sản thuộc lĩnh vực công tác của mình phụ trách và bằng cách đó đã chiếm đoạt tài sản.

1.2.1.2. Mặt khách quan của tội tham ô tài sản

Người phạm tội tham ô tài sản phải là người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình để chiếm đoạt tài sản. *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản là do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện và hành vi chiếm đoạt tài sản đó có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ*. Tuy nhiên, người phạm tội phải lợi dụng chức vụ để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý thì mới bị coi là tham ô tài sản. Nếu hành vi chiếm đoạt tài sản do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện không liên quan gì đến chức vụ, quyền hạn của họ thì dù họ có chức vụ, quyền hạn cũng không bị coi là tham ô tài sản.

1.2.1.3. Chủ thể của tội tham ô tài sản

Chủ thể của tội tham ô tài sản phải là người có chức vụ, quyền hạn và có trách nhiệm quản lý đối với tài sản mà họ chiếm đoạt. Xuất phát từ khái niệm người có trách nhiệm quản lý tài sản là rất rộng nên rất khó xác định được giới hạn của người có trách nhiệm quản lý tài sản đến đâu để xác định chủ thể của tội tham ô tài sản. Việc xác định trách nhiệm của một người đối

với tài sản là rất quan trọng, nếu xác định không đúng tư cách của người có trách nhiệm đối với tài sản mà họ chiếm đoạt thì dễ nhầm lẫn với các tội phạm có tính chất chiếm đoạt quy định tại Chương XVI Bộ luật hình sự như: tội trộm cắp tài sản, công nhiên chiếm đoạt tài sản, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

1.2.1.4. Mặt chủ quan của tội tham ô tài sản

Tội tham ô tài sản là tội phạm có tính chất chiếm đoạt nên cũng như đối với những tội có tính chất chiếm đoạt khác, người phạm tội thực hiện hành vi của mình là cố ý (cố ý trực tiếp), tức là, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra; không có trường hợp tham ô tài sản nào được thực hiện do cố ý gián tiếp, vì người phạm tội bao giờ cũng mong muốn chiếm đoạt được tài sản.

Như vậy, so với một số tội có cấu thành gần giống (tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản – Điều 280, tội lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ - Điều 281, nhóm tội trộm cắp, lừa đảo, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...), tội tham ô tài sản có những dấu hiệu giống hoặc gần giống cần được phân biệt để có thể hiểu đúng và chính xác từng tội phạm cụ thể, tránh sự nhầm lẫn trong áp dụng pháp luật, đặc biệt là nhằm điều tra, truy tố, xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

1.2.2. Hậu quả pháp lý của tội tham ô tài sản

a. Tham ô tài sản thuộc trường hợp khoản 1 Điều 278 BLHS

b. Tham ô tài sản thuộc các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 278 Bộ luật hình sự

c. Tham ô tài sản thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 278 Bộ luật hình sự

d. Tham ô tài sản thuộc các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 278 Bộ luật hình sự

đ. Hình phạt bổ sung đối với người phạm tội tham ô tài sản

1.3. Thực tiễn vận dụng pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2002 – 2007

Tội tham ô tài sản là một tội đứng "đầu bảng" trong những tội phạm về tham nhũng, con số tỷ lệ luôn trên 50%, đỉnh điểm là năm 2004, chiếm 92,66% so với tổng số vụ và 83,89% so với tổng bị cáo phạm tội tham nhũng.

Các vụ án về tội tham ô thường là các vụ án có tình tiết phức tạp, các bị cáo nguyên là các cán bộ có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan Nhà nước. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử thời gian qua cho thấy các hành vi/ tội phạm có cấu thành tương tự hành vi/ tội phạm về tham ô nhưng diễn ra trong khu vực tư thường được các cơ quan có thẩm quyền xử lý theo các quy định khác của pháp luật, ví dụ như quy định về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản...

Dưới góc độ pháp lý, tham ô trong khu vực tư tại Việt Nam chưa được điều chỉnh ở bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào. Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1/7/2000, nhưng đến nay vẫn thiếu các văn bản hướng dẫn thi hành, nhất là vấn đề xác định cấu thành tội phạm trong các doanh nghiệp có tài sản thuộc hình thức "sở hữu chung hỗn hợp". Vì vậy, thời gian qua có nhiều vụ án, cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội "tham ô tài sản" do định sai tội danh dẫn đến việc điều tra, truy tố, xét xử không đúng pháp luật.

Sự nhận thức khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về nội dung Điều 278 với các điều luật khác trong Chương các tội phạm xâm phạm sở hữu của Bộ luật Hình sự 1999 dẫn tới hệ quả là trong các bản án Tòa án xét xử bị cáo về tội danh khác với tội danh mà Viện Kiểm sát đã truy tố hoặc bản án phúc thẩm sửa lại bản án sơ thẩm theo hướng xét xử bị cáo về tội danh khác với tội danh mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Cụ thể là việc xác định chủ thể tội tham ô trong thực tiễn điều tra, truy tố, xét xử vẫn còn có nhiều ý

kiến khác nhau, nhất là đối với những người có chức vụ, quyền hạn trong các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau.

Theo quan điểm của chúng tôi, các loại hình doanh nghiệp không có tài sản của Nhà nước là: hợp tác xã; doanh nghiệp tư nhân; doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài; công ty cổ phần, công ty hợp doanh và công ty TNHH có 100% vốn tư nhân đều không có vốn góp của Nhà nước. Nếu những người làm việc trong các doanh nghiệp này có hành vi chiếm đoạt tài sản mà họ có trách nhiệm quản lý thì không cấu thành tội tham ô tài sản mà cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản tùy theo hành vi phạm tội cụ thể.

Đối với loại hình doanh nghiệp của tổ chức đảng, đoàn thể thì những tài sản của Nhà nước giao cho các doanh nghiệp này quản lý, sử dụng có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước là tài sản của Nhà nước. Trong doanh nghiệp này người có chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản mà họ có trách nhiệm quản lý thì cấu thành tội tham ô tài sản.

Đối với doanh nghiệp nhà nước, không phụ thuộc vào phần tài sản thuộc sở hữu Nhà nước trong doanh nghiệp chiếm tỷ lệ cao hay thấp, nếu những người có chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản thuộc hình thức "sở hữu chung hỗn hợp" trong đó có phần tài sản thuộc hình thức sở hữu Nhà nước mà mình có trách nhiệm quản lý thì cấu thành 2 tội: Tội tham ô tài sản đối với phần tài sản thuộc hình thức sở hữu Nhà nước và tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản hoặc tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đối với phần tài sản thuộc các hình thức sở hữu khác tùy thuộc vào hành vi phạm tội cụ thể của người phạm tội. Như vậy, việc xác định cấu thành tội phạm như trên sẽ chính xác, khoa học, đúng với khách thể bị xâm hại, đảm bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự đúng tội, đúng pháp luật.

Trong thực tiễn xét xử các vụ án tham ô tài sản cho thấy: một số Hội đồng xét xử chưa đánh giá hết tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội nên áp dụng hình phạt quá nhẹ hoặc cho hưởng án treo không đúng

quy định của pháp luật. Công tác kiểm tra giám đốc thẩm chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiều vụ tham ô tài sản Tòa án cấp sơ thẩm hoặc Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không đúng pháp luật nhưng không được phát hiện kịp thời nên không kháng nghị giám đốc thẩm được.

Một số Tòa án áp dụng hình phạt cảnh cáo đối với tội tham ô tài sản là không đúng quy định của BLHS vì theo quy định của BLHS thì điều kiện để áp dụng hình phạt này phải là đối với người phạm tội ít nghiêm trọng, nhưng đối với tội tham ô tài sản thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 của điều luật thì cũng phải là tội nghiêm trọng.

Đối với việc xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước, các cơ quan bảo vệ pháp luật ở Trung ương rất quan tâm, có hướng dẫn áp dụng pháp luật nghiêm túc, song thực tế có một số trường hợp lợi dụng tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ quá mức và lại cho hưởng án treo

Việc một số Tòa án áp dụng hình phạt cho người phạm tội tham ô tài sản hưởng án treo chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong thời gian qua về việc chống tham nhũng nói chung và tham ô nói riêng. Năm 2007, án treo được áp dụng với các bị cáo phạm tội tham ô là 205 trường hợp, gấp nhiều lần so với các năm trước đó.

Khi xét xử, có một số Tòa án quá coi trọng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS là "tự nguyện bồi thường thiệt hại" khi các bị cáo nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, mà không chú trọng đúng mức đến việc bảo vệ khách thể quan trọng là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức nên cũng đã áp dụng mức hình phạt quá nhẹ.

Chương 2
NHỮNG TỒN TẠI TRONG QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VỀ TỘI THAM Ô TÀI SẢN VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN

2.1. Những tồn tại trong vận dụng quy định của pháp luật hình sự về tội tham ô tài sản trong điều tra, truy tố, xét xử từ năm 2002 – 2007

2.1.1 Quy định của pháp luật hình sự

Xung quanh vấn đề phạm vi khách thể của tội tham ô tài sản hiện nay còn có nhiều quan điểm khác nhau.

Do nhận thức sai lầm về khách thể của tội tham ô tài sản nên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử các cơ quan tiến hành tố tụng đã dùng yếu tố khách thể để định tội danh. Mà việc định tội danh sai tất yếu sẽ đến hậu quả là hình phạt sai, từ đó làm cho hình phạt đã tuyên không tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội (có thể nhẹ quá hoặc nặng quá), làm cho hình phạt đã tuyên không đạt mục đích. Đồng thời định tội danh sai sẽ dẫn tới không đảm bảo được tính có căn cứ pháp lý của bản án, làm giảm uy tín và hiệu lực của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Một vấn đề vướng mắc nữa trong quá trình áp dụng pháp luật tiến hành điều tra, truy tố, xét xử tội tham ô tài sản là khái niệm "cơ quan" quy định tại Điều 277 BLHS.

Với khái niệm "cơ quan" như quy định tại Điều 277 BLHS 1999, cách hiểu và tiêu chí xác định khái niệm còn rất khác nhau. Một số ý kiến cho rằng mặc dù khái niệm "cơ quan" trong BLHS 1999 có khác (bớt đi hai chữ "nhà nước") nhưng về bản chất thì không khác, nghĩa là khi nói đến cơ quan là một tổ chức thì phải hiểu đó chỉ là cơ quan nhà nước. Tuy nhiên, đa số ý kiến cho rằng, không chỉ quan niệm "cơ quan" trong Điều 277 BLHS chỉ có nghĩa là cơ quan nhà nước. Mặt khác, các cơ quan nước ngoài, cơ quan quốc tế đóng tại Việt Nam cũng là chủ thể tham gia một số quan hệ pháp luật của Việt Nam như quyền sở hữu tài sản tại Việt Nam của các cơ quan này được

pháp luật Việt Nam bảo vệ. Vì thế các cơ quan này cũng thuộc khái niệm "cơ quan" được quy định tại Điều 277 BLHS.

Khái niệm "tổ chức" quy định tại Điều 277 BLHS cũng được sửa đổi theo hướng rộng hơn và việc hiểu, xác định khái niệm này cũng trở nên phức tạp hơn.

Có ý kiến cho rằng tiêu chí để xác định khái niệm "tổ chức" quy định tại Điều 277 BLHS là trên cơ sở xác định khái niệm "công vụ" nên các tổ chức được thành lập và hoạt động vì lợi ích chung, vì lợi ích của xã hội … là đối tượng điều chỉnh của Chương XXI của BLHS 1999. Cũng theo ý kiến này, tất cả các loại hình tổ chức nêu trên, riêng tổ chức kinh tế thì các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp liên doanh có sự góp vốn của nhà nước, các hợp tác xã đều thuộc khái niệm "tổ chức" quy định tại Điều 277 BLHS 1999.

Quan điểm khác lại cho rằng việc xác định loại hình tổ chức nào thuộc đối tượng điều chỉnh của Chương XXI BLHS 1999 nên căn cứ vào Luật phòng, chống tham nhũng năm 2005, Pháp lệnh về cán bộ, công chức vì các quy định trong các văn bản này liên quan nhiều đến khái niệm "người có chức vụ, quyền hạn", các loại hình tổ chức nêu trong các văn bản này là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp; đối với các tổ chức kinh tế, các văn bản nêu trên chỉ đề cập đến loại hình doanh nghiệp nhà nước. Như vậy, các tổ chức xã hội và một phần của tổ chức kinh tế (các hợp tác xã, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài…) không thuộc khái niệm "tổ chức" quy định tại Điều 277 BLHS.

Vướng mắc tiếp theo trong quá trình áp dụng pháp luật về tội tham ô tài sản là tình tiết "Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm" khi xác định trách nhiệm hình sự của chủ thể tham ô tài sản.

Đây là một trong những tình tiết định tội được áp dụng trong trường hợp giá trị tài sản bị chiếm đoạt hoặc chiếm hưởng thấp hơn định lượng quy định cụ thể trong điều luật quy định về tội tham ô tài sản. Vướng mắc trong

việc hiểu và áp dụng tình tiết này ở chỗ: đối với trường hợp tài sản bị chiếm đoạt có giá trị dưới 500.000 đồng mà có người đồng phạm và người đó không thuộc các điều kiện quy định tại Điều 277 BLHS (không làm việc trong các cơ quan, tổ chức đó, không phải là người có chức vụ, quyền hạn, không phải là người thực hiện công vụ) thì họ có bị truy cứu trách nhiệm hình sự cùng với người có chức vụ, quyền hạn hay không? Về lý luận cũng như thực tiễn vấn đề này còn có nhiều ý kiến khác nhau:

Có ý kiến cho rằng chỉ những người đã bị xử lý kỷ luật về hành vi tham ô thì mới bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô, còn người đồng phạm khác chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị kết án về hành vi này nên không bị chịu trách nhiệm hình sự.

Ý kiến khác thì cho rằng những người đồng phạm khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản vì họ chỉ là người đồng phạm khác nên không bắt buộc phải thỏa mãn các dấu hiệu của chủ thể đặc biệt.

Vướng mắc về áp dụng tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng".

Bộ luật hình sự có nhiều tội quy định các tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng là tình tiết định tội hoặc định khung hình phạt nhưng nội dung của các tình tiết này đối với từng tội không giống nhau nên không thể coi là gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng của tội phạm này cũng như tội phạm khác được. Tuy nhiên, nếu các tội phạm có cùng tính chất, khách thể bị xâm hại giống nhau thì có thể áp dụng tương tự. Và tội tham ô tài sản trước đây được quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu, nay do tính chất hành vi phạm tội nên coi là tội phạm về chức vụ nhưng vẫn mang tính chất chiếm đoạt, nên đối với các tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng có thể vận dụng Thông tư liên tịch số 02/2001 TTLT-TANĐTC-VKSNTC-BCA-BTP ngày 25/12/1999 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp

dụng một số quy định tại Chương XIV Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 1999.

Ngoài ra, việc định lượng thiệt hại đối với hành vi tham ô tài sản không phải dễ dàng. Đây là một vấn đề vướng mắc không chỉ với tội tham ô tài sản mà còn đối với các tội phạm chức vụ và nhiều tội phạm khác. Cũng có ý kiến cho rằng nếu nhà làm luật định lượng được thiệt hại của hành vi phạm tội thì hãy quy định tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, còn nếu không thì không nên quy định tình tiết này vì quy định như vậy là không khả thi, khó hướng dẫn, khó áp dụng và cuối cùng là dẫn đến việc áp dụng không thống nhất.

Vướng mắc về áp dụng tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng".

Tội tham ô tài sản trước đây được quy định tại Chương các tội xâm phạm sở hữu, nay do tính chất hành vi phạm tội nên coi là tội phạm về chức vụ nhưng vẫn mang tính chất chiếm đoạt. Tuy chưa có một văn bản hướng dẫn chính thức áp dụng đối với tội tham ô tài sản nên đối với các tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng có thể vận dụng Thông tư liên tịch số 02/2001 TTLT- TANĐTC-VKSNTC-BCA-BTP ngày 25/12/1999 của Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XIV Các tội xâm phạm sở hữu của BLHS năm 1999.

Ngoài ra, việc định lượng thiệt hại đối với hành vi tham ô tài sản không phải dễ dàng. Đây là một vấn đề vướng mắc không chỉ với tội tham ô tài sản mà còn đối với các tội phạm chức vụ và nhiều tội phạm khác.

Ngoài những vướng mắc về các quy định của Bộ luật Hình sự trên đây, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội tham ô tài sản, các cơ quan tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc khác. Những khó khăn đó được thể hiện ở những vấn đề sau:

- Việc điều tra, truy tố, xét xử những người phạm tội tham ô thường khó hơn những người phạm tội khác;

- Trong quá trình xử lý vụ việc tham ô, giai đoạn điều tra, xác minh các tài sản bất minh gặp nhiều khó khăn;

- Trong công tác điều tra, tình trạng kéo dài thời hạn điều tra đối với những vụ án tham ô lớn, có nhiều bị can, phạm nhiều tội, xảy ra trên nhiều địa bàn vẫn còn xảy ra.

- Những vụ án có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng về hành vi phạm tội của cán bộ thuộc diện quản lý của cơ quan có thẩm quyền cần có ý kiến trước khi khởi tố, nhưng một số cơ quan, tổ chức chậm cho ý kiến hoặc chỉ cho ý kiến chung chung, nên các cơ quan tiến hành tố tụng khó thực hiện.

2.1.2. Quy định quản lý nhà nước về tài sản

Một trong những nguyên nhân làm phát sinh tội phạm tham ô tài sản là do một số cơ chế tài chính chưa theo kịp với cơ chế thị trường. Các cơ chế tài chính cho việc thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thời gian qua được ban hành khá đầy đủ, song chưa thực sự đồng bộ, chậm được sơ kết, bổ sung nên có những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện chậm được giải quyết dẫn đến tình trạng nhiều kẽ hở phát sinh tội phạm, trong đó tội tham ô tài sản chiếm tỷ lệ không nhỏ:

Thứ nhất, định giá giá trị doanh nghiệp thấp.

Thứ hai, để ngoài sổ sách một phần tài chính khi định giá doanh nghiệp, như không đưa vào sổ nợ phải thu khi xác định giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Thứ ba, móc nối với các doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn để bán một số mặt hàng khi có biến động tăng giá với giá "mềm", tạo điều kiện cho các doanh nghiệp này thu lợi cao, công ty cổ phần thu lợi thấp, nhưng một số cán bộ của công ty cổ phần có lợi nhuận…

Trong thực tế, một người được bổ nhiệm hoặc bầu vào chức vụ nào đó cũng có nghĩa là Nhà nước đã giao cho họ quản lý khối tài sản nhất định này, khi một người mới được điều động tới và một người phải điều động đi chỗ khác thì việc bàn giao cơ sở vật chất, số lượng tài sản không ít người khi được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý các cơ quan tổ chức, họ không biết khối lượng, số lượng, giá trị tài sản thuộc quyền quản lý của mình là bao nhiêu, hiệu quả sản xuất kinh doanh của cơ sở trước thời điểm họ đến như thế nào. Điều này sẽ dẫn đến một hậu quả là người này ỷ lại, không dám năng động, tự chủ trong công tác điều hành hoặc lợi dụng kẽ hở của việc thiếu kiểm kê kho bàn giao để tham ô và trong trường hợp này, cơ quan bảo vệ pháp luật không quy được trách nhiệm cho ai.

2.2. Kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy phạm pháp luật về tội tham ô tài sản

2.2.1. Kiến nghị sửa đổi cấu trúc của điều luật 278 BLHS:

Điều 278 với cách cấu trúc là tình tiết định khung cách biệt, đây là cách cấu trúc đã được kế thừa từ BLHS năm 1985 và có sự điều chỉnh theo hướng mới của BLHS năm 1999. Theo chúng tôi, cách cấu trúc này gây khó khăn cho việc áp dụng vì tạo nên nhiều cách hiểu và vận dụng khác nhau trong cùng một quy định của điều luật.

Để đảm bảo tính logic, khoa học và chặt chẽ hơn. Theo chúng tôi, có thể khắc phục những nhược điểm trên bằng cách sửa đổi điều 278 BLHS năm 1999 như sau:

"1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý, thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Tài sản có giá trị từ năm trăm nghìn đồng đến dưới năm mươi triệu đồng.

b) Tài sản có giá trị dưới năm mươi triệu đồng và thuộc ít nhất một trong các trường hợp sau:

- Gây hậu quả nghiêm trọng;

- Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

- Chưa được xóa án tích về một trong các tội quy định tại Mục A Chương này.

2. Thuộc ít nhất một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Có tổ chức;

b) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

c) Phạm tội nhiều lần;

d) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

đ) Gây hậu quả nghiêm trọng khác.

2.2.2. Kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 278 Chương XXI Bộ luật hình sự năm 1999:

- Giải thích thế nào là người có "chức vụ, quyền hạn".

Để áp dụng đúng và thống nhất, các cơ quan chức năng cần thống nhất hướng dẫn: Người có "chức vụ" được quy định tại Điều 278 BLHS được hiểu đó là cán bộ, công chức theo Pháp lệnh cán bộ, công chức năm 1998 (sửa đổi, bổ sung năm 2000 và năm 2003) và Điều 1 của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2005.

- Giải thích "cơ quan, tổ chức" gồm những cơ quan, tổ chức nào.

"Cơ quan" quy định tại Điều 277 BLHS được hiểu là các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, các cơ quan tư pháp, các đơn vị lực lượng vũ trang và các cơ quan của một số thành viên của Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các bộ phận có tính chất hành chính, điều hành trong các doanh nghiệp nhà nước…

"Tổ chức" quy định tại Điều 277 BLHS được hiểu là:

Phương án 1: Đó là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế mà Nhà nước có cổ phần và tham gia điều hành.

Phương án 2: Đó là tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức kinh tế mà Nhà nước có cổ phần và tham gia điều hành và tổ chức quốc tế có trụ sở đóng tại Việt Nam.

- Kiến nghị hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 46 BLHS trong khi xét xử các vụ án tham ô tài sản.

Đối với việc các bị cáo phạm tội Tham ô tài sản nộp lại số tiền đã chiếm đoạt, tuy được coi là tình tiết giảm nhẹ "tự nguyện sửa chữa, bồi thường, khắc phục hậu quả" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS; nhưng tình tiết giảm nhẹ này chỉ có ý nghĩa đối với hậu quả xâm hại khách thể là quan hệ sở hữu, trong khi hành vi tham ô tài sản còn xâm hại đến khách thể quan trọng hơn đó là hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức. Do đó, tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS chỉ có ý nghĩa với mức độ nhất định đối với người phạm tội tham ô tài sản, khác với các trường hợp người phạm tội trộm cắp tài sản hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản… nộp lại số tiền đã chiếm đoạt.

- Kiến nghị sửa đổi tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng khác" quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 278

Điều luật quy định như vậy có nghĩa là các mức định lượng về tài sản chiếm đoạt ở các khung 2,3,4 cũng là gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó, tại khoản 1 cũng có quy định trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng là một tình tiết định tội nếu tài sản tham ô dưới 500.000 đồng. Vậy "gây hậu quả nghiêm trọng khác" ở điểm đ, khoản 2 có khác gì với "gây hậu quả nghiêm trọng" ở điểm a khoản 1. Mức độ nghiêm trọng của hai trường hợp không có gì khác nhau, cùng ở mức độ nghiêm trọng, mà lại cấu thành 2 khung khác nhau là bất hợp lý.

Theo chúng tôi điểm đ khoản 2 phải là "gây hậu quả rất nghiêm trọng khác" thì mới đúng.

- Hướng dẫn áp dụng tình tiết "gây hậu quả nghiêm trọng, gây hậu quả nghiêm trọng khác, gây hậu quả rất nghiêm trọng khác, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác" một cách cụ thể để có thể áp dụng pháp luật được thống nhất, tránh tùy tiện.

- Hướng dẫn trách nhiệm hình sự đối với người đồng phạm trong vụ án tham ô tài sản mà giá trị tài sản chiếm đoạt chưa đến 500.000 đồng.

Người đồng phạm trong vụ án tham ô nếu biết rõ người có chức vụ, quyền hạn đã bị xử lý kỷ luật về hành vi tham ô tài sản, đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương XXI mà vẫn cùng cố ý thực hiện tội phạm với người có chức vụ, quyền hạn thì phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản theo khoản 1 của Điều 278.

Nếu người đồng phạm trong vụ án tham ô tài sản không biết người có chức vụ, quyền hạn đã bị xử lý kỷ luật về hành vi tham ô tài sản, đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục A Chương XXI mà cùng cố ý thực hiện tội phạm với người có chức vụ, quyền hạn thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 278 BLHS.

- Kiến nghị sửa đổi định lượng giá trị tài sản bị chiếm đoạt xác định tội tham ô tài sản.

BLHS 1999 quy định giá trị tài sản bị chiếm đoạt tối thiểu là năm trăm nghìn đồng, nếu xử lý hình sự với những hành vi chiếm đoạt tài sản từ 500 nghìn đồng thì làm không xuể. Tình hình kinh tế xã hội nước ta đã có sự thay đổi, phát triển mạnh mẽ. Giá tiêu dùng hàng năm liên tục tăng, năm sau cao hơn năm trước. Mức lương tối thiểu từ năm 1999 cũng đã tăng từ 180.000 đồng lên 540.000 đồng và nay là 650.000 đồng. Như vậy, xét trong tình hình hiện nay, quy định này đã không còn phù hợp nữa, giá trị này chưa phản ánh được tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội mà hành vi tham ô tài sản gây ra. Do vậy, chúng tôi kiến nghị nâng mức định lượng tài sản tối

thiểu để xác định tội tham ô tài sản dựa vào mức lương tối thiểu có thể gấp hai, ba, bốn lần... để tránh việc quy định "cứng" sẽ sớm bị lạc hậu do trượt giá và sẽ không phải sửa đổi, bổ sung các quy định đó trong những lần sửa đổi, bổ sung sau.

- Kiến nghị quy định hình phạt tiền là hình phạt bắt buộc trong tội tham ô tài sản.

Tham ô tài sản là loại tội phạm chức vụ mang tính chất chiếm đoạt, người phạm tội là người có chức vụ, quyền hạn khi thực hiện hành vi phạm tội họ nhận thức rõ tính nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn thực hiện vì mục đích tư lợi, vì lợi ích của bản thân, bất chấp hậu quả xảy ra. Trong tội tham ô tài sản, tiền là lợi ích vật chất mà người phạm tội mong muốn đạt được. Tăng mức phạt tiền là đánh vào lợi ích của người phạm tội, thông qua đó đạt được mục đích của hình phạt. Tăng mức phạt tiền còn nhằm tước bỏ phương tiện phạm tội, góp phần hạn chế hành vi phạm tội lại của tội phạm. Do đó cần phải tăng cường mức phạt tiền đối với tội tham ô tài sản để tác động mạnh hơn nữa tới ý thức của người phạm tội. Mặt khác, nhà làm luật cũng nên quy định hình phạt tiền là hình phạt bắt buộc trong tội tham ô tài sản, không nên quy định là hình phạt mang tính lựa chọn như hiện nay.

2.3. Kiến nghị nâng cao hiệu quả quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước

Khung pháp lý cho cổ phần hóa doanh nghiệp chưa đủ mạnh, từ nhiều năm nay cổ phần hóa được điều chỉnh bằng các Nghị định của Chính phủ. Nên chăng, thời gian tới Ủy ban thường vụ Quốc hội nên ban hành một Pháp lệnh về cổ phần hóa DNNN và các hình thức chuyển đổi sở hữu khác để quá trình cổ phần hóa diễn ra đúng luật và hiệu quả hơn, thu hẹp dần "mảnh đất màu mỡ" để người có chức vụ, quyền hạn lợi dụng địa vị của mình tham ô tài sản.

KẾT LUẬN

Trong Bộ luật Hình sự năm 1999, tội tham ô tài sản là tội danh được ghi nhận ngay ở vị trí đầu tiên trong Chương các tội phạm về chức vụ, cùng với thực tiễn thời gian qua tội phạm tham ô được phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử luôn chiếm tỷ lệ cao trong các tội phạm tham nhũng đã chứng tỏ mức nghiêm trọng của loại tội phạm này.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng áp dụng pháp luật và phân tích những tồn tại, vướng mắc trong quá trình áp dụng quy định về tội tham ô trong điều tra, truy tố, xét xử giai đoạn 2002 - 2007, luận văn đã nghiên cứu đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật tội tham ô tài sản trong BLHS và pháp luật về quản lý tài sản Nhà nước trong quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp:

Thứ nhất, kiến nghị sửa đổi cấu trúc của điều luật 278 BLHS;

Thứ hai, kiến nghị ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng Điều 278 Chương XXI Bộ luật hình sự năm 1999.

Thứ ba, kiến nghị nâng cao hiệu quả quy định của pháp luật về quản lý tài sản nhà nước trong phạm vi cổ phần hóa doanh nghiệp.

Những kết quả của luận văn đã thể hiện sự nỗ lực của bản thân cũng như sự giúp đỡ tận tình của các thầy cô giáo, gia đình và bạn bè, đồng nghiệp. Tuy nhiên, do điều kiện nghiên cứu và khả năng của bản thân có hạn, chắc chắn luận văn sẽ không tránh khỏi những thiếu sót nhất định, tác giả luận văn rất mong được sự tiếp tục chỉ dẫn của các thầy cô, của bạn bè để luận văn có nội dung hoàn thiện hơn.

This document was created with Win2PDF available at http://www.win2pdf.com.
The unregistered version of Win2PDF is for evaluation or non-commercial use only.
This page will not be added after purchasing Win2PDF.